TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2023
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh NA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NA mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/3/1976; địa chỉ trước khi xuất cảnh: khối 3, phường CN, thành phố V, tỉnh NA; hiện cư trú tại: Jugoslávská 2818/41-ostrarva – zábreh – ceská republika (Cộng hoà Séc);vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đại D, sinh ngày 02/4/1973; địa chỉ: Khối 3, phường CN, thành phố V, tỉnh NA; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đại D kết hôn vào ngày 03/10/1998, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố V, tỉnh NA, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn được 8 năm thì bà H sang Cộng hoà Séc làm ăn, vợ chồng mâu thuẫn từ đó và không liên lạc với nhau. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Đại D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Khánh H1, sinh ngày 03/04/1999; hiện Khánh H1 đã sang Cộng hoà Séc đoàn tụ cùng mẹ và đã trưởng thành.

Về tài sản chung,nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H đang sinh sống và làm việc tại Cộng hoà Séc. Bà H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K (địa chỉ: Khối 1, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA) nộp hồ sơ, thủ tục ly hôn, nộp tạm ứng án phí ly hôn và thay bà nhận các văn bản, tài liệu mà Tòa án gửi cho bà; đồng thời bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Đại D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn ngày 03/10/1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Nam, thành phố Vinh. Năm 2006, bà H sang Cộng hoà Séc sinh sống, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Do ngày 22/02/2023, ông không tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đại D; trong đó ông Lê Đại D có hộ khẩu thường trú và bà Nguyễn Thị H có địa chỉ trước khi xuất cảnh đều tại khối 3, phường CN, thành phố V, tỉnh NA. Bà H hiện nay đang sinh sống và làm việc ở nước Cộng hòa Séc (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh NA theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại Cộng hòa Séc. Bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị K (địa chỉ: Khối 1, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh NA) nộp hồ sơ, thủ tục ly hôn, nộp tạm ứng án phí ly hôn và thay bà nhận các văn bản, tài liệu mà Tòa án gửi cho bà, đồng thời bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Lê Đại D đã đến Tòa án nhân dân tỉnh NA làm bản tự khai vào ngày 06/02/2023; ông D có đơn xin xét xử vắng mặt nộp tại Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đại D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/1998 tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố V, tỉnh NA. Bà H và ông D đều thừa nhận: Năm 2006, bà H sang Cộng hoà Séc làm ăn, từ đó vợ chồng mâu thuẫn và không liên lạc với nhau. Đến nay, bà H và ông D không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đại D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Khánh H1, sinh ngày 03/04/1999. Hiện chị H đã sang Cộng hoà Séc đoàn tụ cùng mẹ và đã trưởng thành.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đại D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H, ông D có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 207; Điều 147 và khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đại D.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đại D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H, ông D có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp (do bà Nguyễn Thị K nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh NA, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012316 ngày 25/11/2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh NA;
- Cục THADS tỉnh NA;
- UBND phường CN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Anh Sơn